

THÔNG TƯ số 13/2000/TT-BXD ngày 01/11/2000 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 06/2000/TT-BXD ngày 04/7/2000 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng vật liệu xây dựng.

Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 06/2000/TT-BXD ngày 04/7/2000 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng vật liệu xây dựng;

Ngày 15/8/2000 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 95/2000/QĐ-TTg về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ;

Để phù hợp với những quy định mới của Quyết định số 95/2000/QĐ-TTg, Bộ Xây dựng hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 06/2000/TT-BXD ngày 04/7/2000 của Bộ Xây dựng, như sau:

1. Bổ sung khoản a mục 1 Phần A nội dung bắt buộc ghi nhãn hàng hóa của Thông tư số 06/2000/TT-BXD, như sau:

Chữ viết tên hàng hóa có chiều cao không nhỏ hơn 2 mm (hai milimét).

2. Bổ sung mục 3 Phần A nội dung bắt buộc ghi nhãn hàng hóa của Thông tư số 06/2000/TT-BXD, như sau:

Vị trí ghi định lượng nằm ở phần chính của nhãn (PCD).

3. Bổ sung mục 6 phần A nội dung bắt buộc ghi nhãn hàng hóa của Thông tư số 06/2000/TT-BXD, như sau:

Riêng đối với mặt hàng Xi măng chỉ ghi tháng và năm sản xuất.

Ví dụ: Xi măng sản xuất tháng 5 năm 2001 ghi là SX 05.2001.

3. Các quy định khác vẫn áp dụng theo quy định tại Thông tư số 06/2000/TT-BXD ngày 04/7/2000 của Bộ Xây dựng.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Thủ trưởng

TỔNG VĂN NGA

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 432/2000/QĐ-NHNN1 ngày 03/10/2000 về nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các tổ chức tín dụng có giấy phép hoạt động ngoại hối được huy động vốn có kỳ hạn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của dân cư theo các quy định tại Quyết định này nhằm đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn bằng vàng, bằng tiền để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống.

Điều 2. Vàng huy động là vàng miếng hoặc vàng trang sức quy đổi ra vàng miếng theo tiêu chuẩn của các doanh nghiệp kinh doanh vàng đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép sản xuất vàng miếng.

Điều 3.

1. Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về hiệu quả và tính an toàn trong việc huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng.

2. Tổ chức tín dụng quyết định lựa chọn loại vàng miếng huy động và làm cơ sở để quy đổi các loại vàng trang sức khi huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng.

3. Khi huy động và cho vay vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận giá vàng quy đổi trên cơ sở giá mua, giá bán của loại vàng miếng được lựa chọn trên thị trường tại thời điểm quy đổi.

Điều 4.

1. Tổ chức tín dụng quy định mức lãi suất huy

động vốn bằng vàng, lãi suất huy động VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng, lãi suất cho vay vàng, lãi suất cho vay VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh doanh của mình để đảm bảo bù đắp chi phí, bù đắp rủi ro và có lãi.

2. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm công bố công khai và niêm yết tại nơi huy động vốn và cho vay vốn các mức lãi suất huy động, mức lãi suất cho vay, giá mua và giá bán vàng cho khách hàng biết.

Điều 5.

1. Tổ chức tín dụng huy động vốn bằng vàng dưới hình thức phát hành chứng chỉ huy động vàng có kỳ hạn; trường hợp huy động vốn bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng được thực hiện dưới hình thức tiết kiệm có kỳ hạn hoặc phát hành chứng chỉ huy động VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng. Kỳ hạn huy động tối thiểu của các hình thức này là 30 ngày.

2. Chứng chỉ huy động vàng, chứng chỉ huy động VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng là cam kết của tổ chức tín dụng đối với người gửi vàng, người gửi tiền trong đó quy định rõ các điều kiện về khối lượng vàng, chất lượng vàng, số tiền VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng quy đổi, thời hạn, lãi suất, ngày đến hạn, cách thức trả gốc, trả lãi; các điều kiện về chuyển nhượng, mua, bán, cho, tặng, thừa kế, cầm cố vay vốn và các điều kiện khác.

Điều 6.

1. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm thực hiện dự trữ bắt buộc bằng VNĐ đối với nguồn vốn huy động bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng theo như quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng VNĐ tính trên toàn bộ nguồn vốn huy động bằng vàng quy đổi ra VNĐ và nguồn vốn huy động bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng.

2. Nguồn vốn huy động bằng vàng làm cơ sở để tính dự trữ bắt buộc được quy đổi ra VNĐ theo giá mua vàng của tổ chức tín dụng đối với loại

vàng miếng được lựa chọn vào ngày làm việc cuối cùng của kỳ xác định dự trữ bắt buộc.

Điều 7.

1. Tổ chức tín dụng sử dụng nguồn vốn huy động bằng vàng để cho vay bằng vàng đối với khách hàng nhằm đáp ứng các nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống hoặc chuyển đổi thành nguồn vốn bằng tiền để cho vay bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng và để đáp ứng các nhu cầu kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi nguồn vốn huy động bằng vàng thành nguồn vốn bằng tiền thì nguồn vốn chuyển đổi thành tiền không được vượt quá 30% nguồn vốn huy động bằng vàng.

Điều 8. Việc cho vay vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng được thực hiện theo Quy chế Cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 284/2000/QĐ-NHNN1 ngày 25/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm:

1. Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể thực hiện quy định tại Quyết định này và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh doanh và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

2. Gửi thông báo đến Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố (nơi tổ chức tín dụng đóng trụ sở chính) kèm theo văn bản hướng dẫn nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng. Thời hạn gửi thông báo chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng.

3. Thực hiện các kiến nghị của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố liên quan đến nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của tổ chức tín dụng.

4. Báo cáo bằng văn bản tình hình huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố (nơi tổ chức tín dụng đóng trụ sở chính) theo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Thời hạn báo cáo như sau:

- Đối với báo cáo tháng: Chậm nhất vào ngày 10 tháng tiếp theo.

- Đối với báo cáo quý: Chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý tiếp theo.

- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 15 tháng 1 năm sau.

Điều 10. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận và xem xét các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; trường hợp phát hiện các nội dung không phù hợp với quy định tại Quyết định này, Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, thành phố có văn bản kiến nghị tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp trước khi thi hành.

2. Thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất hoạt động huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn theo đúng các quy định tại Quyết định này và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đảm bảo an toàn vốn của người gửi, đảm bảo hoạt động của các tổ chức tín dụng an toàn, lành mạnh và hiệu quả, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Hàng tháng, quý, năm, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ, Thanh tra ngân hàng, Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng) tình hình huy động và sử dụng nguồn vốn huy động bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Thời hạn báo cáo như sau:

- Đối với báo cáo tháng: Chậm nhất vào ngày 15 tháng tiếp theo.

- Đối với báo cáo quý: Chậm nhất vào ngày 15 tháng đầu quý tiếp theo.

- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 20 tháng 1 năm sau.

Điều 11. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

1. Vụ Kế toán tài chính: Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng.

2. Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện dự phòng rủi ro khi huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng.

3. Vụ Chính sách tiền tệ: Nghiên cứu tình hình huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng để kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung những quy định về nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng.

4. Thanh tra ngân hàng: Giám sát, thanh tra về hoạt động huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng; xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm các quy định tại Quyết định này.

Điều 12. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 42/QĐ-NH1 ngày 21 tháng 2 năm 1992 về việc huy động vốn và cho vay bảo đảm giá trị theo giá vàng, các văn bản hướng dẫn thi hành Quyết định số 42/QĐ-NH1 ngày 21 tháng 2 năm 1992, Quyết định số 57/QĐ-NH1 ngày 31 tháng 3 năm 1992 về lãi suất huy động vốn và cho vay bảo đảm giá trị theo giá vàng, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 191/1999/QĐ-NHNN1 ngày 31 tháng 5 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng.

Điều 13. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân

hàng Nhà nước; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng có giấy phép hoạt động ngoại hối chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

DƯƠNG THU HƯƠNG

THÔNG TƯ số 11/2000/TT-NHNN14
ngày 13/10/2000 hướng dẫn thực hiện việc giãn nợ, khoan nợ và tiếp tục cho vay mới góp phần đề khôi phục sản xuất sớm ổn định đời sống nhân dân tại vùng lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 15/2000/NQ-CP ngày 06/10/2000 của Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 15/2000/NQ-CP ngày 06/10/2000 của Chính phủ về một số giải pháp tiếp tục khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống nhân dân, xử lý kịp thời những vấn đề mới nảy sinh nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển nhanh và bền vững về kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thực hiện một số nội dung sau:

1. Xử lý nợ vay ngân hàng bị thiệt hại do lũ, lụt.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chỉ đạo các chi nhánh trực thuộc tại đồng bằng sông Cửu Long rà soát lại toàn bộ nợ vay ngân hàng của các hộ dân có liên quan đến thiệt hại do lũ lụt gây nên, xem xét để có biện pháp xử lý thích hợp; cụ thể:

091.300.888
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684